TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 204/2021/DS-PT
Ngày 23-12-2021
V/v tranh chấp yêu cầu phân chia tài sản chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Tâm

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền

Bà Ngô Thị Bích Diệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Cường – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Phước – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 148/2021/TLPT-DS ngày 02 tháng 6 năm 2021 về việc "tranh chấp yêu cầu phân chia tài sản chung".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/DS-ST ngày 03/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố T1 bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 215/2021/QĐXXPT-DS ngày 09 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Dương Thị Thu L, sinh năm 1973; trú tại: Số 8/1C, khu phố H, phường L, thành phố T1, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Dương Anh K, sinh năm 1984; trú tại: Số 235C, khu phố N, phường L, thành phố T1, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 18/6/2019 và ngày 14/9/2020); có mặt.

- *Bị đơn:*

1. Ông Hồng Văn C, sinh năm 1942; trú tại: Số 12/2, khu phố H, phường L, thành phố T1, tỉnh Bình Dương.

2. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1950; trú tại: Số 12/2C, khu phố H, phường L, thành phố T1, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn ông C, bà H1: Ông Trần Văn T2, sinh năm 1995; trú tại: Số 197, ấp B1, xã B2, huyện G, tỉnh Bến Tre; địa chỉ liên hệ: Số 18-20, đường số 2, khu nhà ở H2, khu phố B3, phường A, thành phố D, tỉnh

Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 15/01/2020); có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Bùi Thị N, sinh năm 1943;

2. Bà Dương Thị Thu C1, sinh năm 1981;

3. Ông Nguyễn Dương Linh C2, sinh năm 2000;

4. Bà Nguyễn Dương Lan A, sinh năm 2002;

Cùng trú tại: Số 12/3, khu phố H, phường L, thành phố T1, tỉnh Bình Dương. Bà Nè, bà C1, ông C2, bà A vắng mặt và có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

5. Bà Dương Thị Thu S, sinh năm 1965;

6. Bà Võ Thị Bích L1, sinh năm 1985;

7. Bà Võ Thị Bích L2, sinh năm 1987;

Cùng trú tại: Số 12/2A, khu phố H, phường L, thành phố T1, tỉnh Bình Dương. Bà S, bà L1, bà L2 vắng mặt và có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

8. Bà Dương Thị Thu Đ, sinh năm 1976;

9. Ông Huỳnh Văn S, sinh năm 1972;

10. Ông Huỳnh Kim T3, sinh năm 1995;

Cùng trú tại: Số 12/3C, khu phố H, phường L, thành phố T1, tỉnh Bình Dương. Bà Đ, ông S, ông T3 vắng mặt và có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

11. Bà Dương Thị Thu H2, sinh năm 1968;

12. Ông Nguyễn Danh T4, sinh năm 1988;

Cùng trú tại: Số 12/3B, khu phố H, phường L, thành phố T1, tỉnh Bình Dương. Bà Hồng, ông T8 vắng mặt và có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

12. Ông Lê Dương Phương N1, sinh năm 1996; trú tại: Số 8/1C, khu phố H, phường L, thành phố T1, tỉnh Bình Dương; vắng mặt và có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

13. Bà Lê Thị N2, sinh năm 1955;

14. Ông Hồng Anh T5, sinh năm 1983;

15. Ông Hồng Anh K, sinh năm 1986;

Cùng trú tại: Số 12/2, khu phố H, phường L, thành phố T1, tỉnh Bình Dương. Bà N2, ông T5, ông K vắng mặt và có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

16. Bà Hồng Thị Anh T6, sinh năm 1974;

17. Ông Hồng Anh T7, sinh năm 1990;

Cùng trú tại: Số 12/2C, khu phố H, phường L, thành phố T1, tỉnh Bình Dương. Bà T6, ông T7 vắng mặt và có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

18. Bà Hồng Thị Anh T8, sinh năm 1977; trú tại: Số 82/6, M, phường Đ, Quận O, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt và có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

19. Ông Hồng Anh Phương V, sinh năm 1980; trú tại: Số 12/2B, khu phố H, phường L, thành phố T1, tỉnh Bình Dương; vắng mặt và có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

20. Ông Nguyễn Hoàng S1, sinh năm 1981;

21. Bà Tô Thị Bích N2, sinh năm 1986;

22. Cháu Nguyễn Quốc H3, sinh năm 2005;

23. Cháu Nguyễn Trúc V, sinh năm 2011;

Người đại diện theo pháp luật của cháu H3 và V: Ông Hoàng Văn S1 và bà Tô Thị Bích N2 – là cha mẹ của cháu H3 và V.

Cùng trú tại: Số 12/3A, khu phố H, phường L, thành phố T1, tỉnh Bình Dương; vắng mặt và có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người kháng cáo*: Bị đơn Ông Hồng Văn C và Bà Nguyễn Thị H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà cố của bà L là bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1886 (chết năm 1967) có để lại một phần diện tích đất 1.457,3m^2, tọa lạc tại khu phố H, phường L, thành phố T1, tỉnh Bình Dương nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi bà H1 chết, ông nội của bà L là ông Dương Văn D quản lý phần đất nêu trên. Đến năm 1971, ông D chết, bà Vương Thị M (là cô ruột của bà L) thay mặt tiếp tục quản lý thửa đất bà H1 để lại.

Vào ngày 08/9/1994, bà Vương Thị M lập Tờ tương phân đất thổ cư để phân chia phần diện tích đất bà H1 để lại với nội dung:

1. Chia cho bà Nguyễn Thị Thu H4, sinh năm 1975 (con cô 2 của bà L) phần diện tích đất 250,8m^2, dài 16m, rộng 13,3m có tứ cận: Đông giáp đất của Bà Nguyễn Thị H1; Nam giáp đất của Võ Thị L; Tây giáp đất thổ mộ; Bắc giáp đất của bà Dương Thị Thu L.

2. Chia cho bà Dương Thị Thu L, sinh năm 1973 phần diện thích đất 250,8m^2, dài 16m, rộng 13,3m có tứ cận: Đông giáp đất của Bà Nguyễn Thị H1; Nam giáp đất của bà Nguyễn Thị Thu H4; Tây giáp đất thổ mộ; Bắc giáp đường đình.

3. Chia cho Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1950 phần diện thích đất 501,6m^2, dài 38m, rộng 13,2m có tứ cận: Đông giáp đất của Lê Thái T9; Nam giáp đất của Võ Thị L; Tây giáp đất của bà Nguyễn Thị Thu H4 và bà Dương Thị Thu L; Bắc giáp đường đình.

4. Phần diện tích đất còn lại 570m^2 làm đất hương quả.

Sau khi bà L được phân chia phần diện tích đất nêu trên, bà L để cho mẹ cùng các anh, chị, em của bà L cất nhà sinh sống trên đất. Đến 2004, bà Vương Thị M tiến hành thủ tục kê khai đối với phần diện tích đất bà Nguyễn Thị H1 để lại (bao gồm cả phần diện tích đất đã phân chia cho bà Dương Thị Thu L, Nguyễn Thị Thu H4 và bà Nguyễn Thị H5 theo Tờ tương phân đất thổ cư ngày 08/9/1994) và năm 2005 bà Vương Thị M đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất 1.457,3m^2 thuộc thửa đất số 152, tờ bản đồ 54, tọa lạc tại khu phố H, phường L, thành phố T1, tỉnh Bình Dương. Tuy nhiên, khi bà Vương Thị M tiến hành thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà L không biết nên sau khi biết bà M được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà L có yêu cầu bà M (khi bà M còn sống) và ông C, bà H1 (là các con của bà M) phối hợp để tách thửa phần diện tích đất của bà L được chia theo Tờ tương phân đất thổ cư đề ngày 08/9/1994 nhưng bà M cũng như bà H5, ông C không thực hiện.

Vào năm 2007, phần diện tích đất bà L được phân chia bị giải tỏa một phần để thực hiện dự án mở rộng đường (nay là đường L 96) và mẹ cùng các anh, chị em, cháu gồm bà N, bà Đ và ông S bị giải tỏa một phần căn nhà nên bà L đồng ý để cho bà N, bà Đ và ông S được nhận tiền đền bù kể cả đối với phần diện tích đất bị thu hồi. Trước đây, bà L cùng sinh sống chung với bà Bùi Thị N nhưng sau này bà L đã xây dựng 01 căn nhà cấp 4 nằm trên phần diện tích đất hương quả để ở cho đến nay.

Hiện nay, theo kết quả đo đạc thực tế phần diện tích đất tranh chấp có diện tích 235m^2 (đều là đất nông nghiệp và trong đó có 97,5m^2 thuộc HLBVĐB) và trên đất có tồn căn nhà cấp 4 của gia đình bà Dương Thị Thu Đ, bà Bùi Thị N, bà Dương Thị Thu S và ông Nguyễn Hoàng S1.

Do đó, bà Dương Thị Thu L yêu cầu Tòa án phân chia cho bà L được quyền quản lý, sử dụng đối với phần diện tích đất 235m^2 thuộc thửa đất số 152, tờ bản đồ 54, tọa lạc tại khu phố H, phường L, thành phố T1, tỉnh Bình Dương (đều là đất nông nghiệp và trong đó có 97,5m^2 thuộc HLBVĐB) theo Tờ tương phân đất thổ cư đề ngày 08/9/1994 do bà Vương Thị M lập có xác nhận của chính quyền địa phương.

- Theo bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp bị đơn Bà Nguyễn Thị H1 và Ông Hồng Văn C là ông Trần Văn T10 trình bày:

Phần diện tích đất 820,1m^2 thuộc thửa số 152, tờ bản đồ 54, tọa lạc tại khu phố H, phường L, thành phố T1, tỉnh Bình Dương thuộc quyền sử dụng của hộ bà Vương Thị M theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S do Cơ quan U huyện T1 (nay là thành phố T1) cấp ngày 08/6/2005 cho hộ bà Vương Thị M. Nguồn gốc đất bà M được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do ông bà để lại nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi bà M

quản lý, sử dụng đã tiến hành đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích nêu trên vào năm 1998.

Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hộ bà Vương Thị M gồm có 10 thành viên gồm bà Vương Thị M, Ông Hồng Văn C, Bà Nguyễn Thị H1, Bà Lê Thị N2, bà Hồng Thị Anh T6 bà Hồng Thị Anh T8, ông Hồng Anh Phương V, Ông Hồng Anh T5, ông Hồng Anh K và ông Hồng Anh T7. Hiện nay, trên phần đất tranh chấp có các căn nhà của gia đình bà Bùi Thị N, bà Dương Thị Thu Đ, bà Dương Thị Thu S và ông Nguyễn Hoàng S1 – là mẹ, các chị, em và cháu của bà L đang sinh sống. Còn bà L đã xây dựng một căn nhà cấp 4 nằm ngoài phần diện tích đất tranh chấp để ở.

Bà Dương Thị Thu L không phải là người thừa kế của bà Vương Thị M và không có tên trong hộ khẩu của bà M tại thời điểm hộ bà M được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1998; đồng thời Tờ tương phân đất thổ cư mà bà L cho rằng bà M lập ngày 08/9/1994 không có chữ ký, điểm chỉ, lăn tay hoặc người làm chứng cho việc bà M là người lập Tờ tương phân này và năm 1994 bà M chưa được Nhà nước công nhận quyền quản lý, sử dụng đối với thửa đất 152, tờ bản đồ 54, tọa lạc tại khu phố H, phường L, thành phố T1, tỉnh Bình Dương. Do đó trước yêu cầu khởi kiện của bà L thì ông C và bà H5 không đồng ý.

Trong quá trình tham gia tố tụng, ông C và bà H5 có đơn phản tố yêu cầu Tòa án công nhận phần diện tích đất 820,1m^2 thuộc thửa đất 152, tờ bản đồ 54, tọa lạc tại khu phố H, phường L, thành phố T1, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X, số vào sổ cấp GCN Y do Cơ quan U huyện T1 (nay là thành phố T1), tỉnh Bình Dương cấp ngày 08/6/2005 cho hộ bà Vương Thị M cho ông C, bà H1 được quyền sử dụng đất hợp pháp; yêu cầu bà Dương Thị Thu L tháo dỡ toàn bộ công trình trên phần đất tranh chấp. Tuy nhiên, sau khi Tòa án thụ lý yêu cầu phản tố, ông C và bà H5 rút toàn bộ yêu cầu phản tố.

- Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị N, bà Dương Thị Thu Đ, bà Dương Thị Thu C1, ông Nguyễn Dương Linh C2, bà Nguyễn Dương Lan A, ông Huỳnh Văn S, ông Huỳnh Kim T3 thống nhất trình bày: Nguồn gốc phần diện tích đất bà L tranh chấp do bà cố của bà L là bà Nguyễn Thị H1 (chết năm 1967) khai phá có tổng diện tích khoảng 1.457,3m^2 nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi bà H5 chết, ông Dương Văn D (ông nội của bà L) tiếp tục quản lý, sử dụng nhưng cũng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 1971, ông D chết, bà Vương Thị M thay mặt để quản lý, sử dụng. Trong quá trình quản lý, sử dụng phần diện tích đất của bà H5 để lại, năm 1994 bà Vương Thị M lập Tờ tương phân đất thổ cư cho các cháu của ông Dương Văn D là bà Dương Thị Thu L (cha của bà L là ông Dương Văn S1 đã chết năm 1984 – con của ông D), bà Nguyễn Thị Thu H6 (mẹ của bà H6 là Dương Thị C – con của ông D) và bà Nguyễn Thị H5 (con của bà M) có xác nhận của chính quyền địa phương. Sau khi được bà M phân chia đất, bà Dương Thị Thu L quản lý đối với

phần diện tích đất được chia cho đến nay; đồng thời bà L cho mẹ, các anh, chị, em xây dựng nhà để ở trên phần diện tích đất bà L được bà M phân chia. Đến 2004, bà Vương Thị M tiến hành thủ tục kê khai đối với phần diện tích đất bà Nguyễn Thị H1 để lại và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất 1.457,3m^2 thuộc thửa đất số 152, tờ bản đồ 54, tọa lạc tại khu phố H, phường L, thành phố T1, tỉnh Bình Dương (bao gồm cả phần diện tích đất đã phân chia cho bà Dương Thị Thu L, Nguyễn Thị Thu H4 và bà Nguyễn Thị H5 theo Tờ tương phân đất thổ cư ngày 08/9/1994) và bà Vương Thị M đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Sau khi bà M chết, bà L đã nhiều lần liên hệ với ông Hồng Văn C và bà Nguyễn Thị H5 để tiến hành các thủ tục tách thửa xin để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất mà bà M đã phân chia cho bà L nhưng bà H và ông C cứ hứa hẹn nhưng không thực hiện.

Trên phần diện tích đất mà bà L tranh chấp với ông C, bà H có tồn tại các căn nhà của gia đình bà Bùi Thị N cùng gia đình bà Dương Thị Thu C1, bà Dương Thị Thu Đ gồm có các thành viên bà Bùi Thị N, bà Dương Thị Thu Đ, bà Dương Thị Thu C1, ông Nguyễn Dương Linh C2, bà Nguyễn Dương Lan A, ông Huỳnh Văn S, ông Huỳnh Kim T3 đang quản lý, sử dụng. Nay bà N, bà Đ, bà C1, ông C2, bà A, ông S, ông T8 xác định không có yêu cầu gì trong vụ án tranh chấp giữa bà L với ông C, bà H. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết bằng một vụ án khác. Mặt khác, do bận công việc nên không đến Tòa án tham gia tố tụng được nên đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

- Theo bản tự khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị Thu S, bà Võ Thị Bích L1 và bà Võ Thị Bích L2 thống nhất trình bày: Thống nhất với lời trình bày của bà Dương Thị Thu L, bà Bùi Thị N, bà Dương Thị Thu Đ, bà Dương Thị Thu C1, ông Nguyễn Dương Linh C2, bà Nguyễn Dương Lan A, ông Huỳnh Văn S, ông Huỳnh Kim T3 về nguồn gốc phần diện tích đất bà L tranh chấp với ông C, bà H1 và việc bà Vương Thị M lập Tờ tương phân đất thổ cư ngày 08/9/1994.

Sau khi bà L được bà M phân chia phần đất thì các anh, chị, em của bà L xây dựng nhà trên phần đất bà L được chia, trong đó có bà Sa. Khi bà L lập gia đình, bà L theo chồng và các anh, chị, em của bà L tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất bà L được bà M phân chia. Sau đó, bà L về sinh sống trên thửa đất được phân chia và cũng không có ý kiến gì về việc các anh, chị, em xây dựng nhà và cư trú trên phần diện tích đất mà bà L được bà M chia theo Tờ tương phân đất thổ cư vào năm 1994. Khi về, bà L xây dựng một căn nhà cấp 4 trên phần đất hương hỏa để ở cho đến nay.

Trên phần diện tích đất mà bà L tranh chấp với ông C, bà H có tồn tại căn nhà của bà Sa cùng với bà L1 và bà L2 đang quản lý, sử dụng ổn định. Nay, bà Dương Thị Thu S, bà Võ Thị Bích L1 và bà Võ Thị Bích L2 xác định không có yêu cầu gì trong vụ án tranh chấp giữa bà L với ông C, bà H đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật; đồng thời do bận công việc và

việc bà L tranh chấp với ông C, bà H1 không liên quan đến bà S, bà L1 và bà L2 nên không thể đến Tòa án tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án. Do đó yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

- Theo bản tự khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hoàng S1, bà Tô Thị Bích N2, Cháu Nguyễn Quốc H3 và Cháu Nguyễn Trúc V thống nhất trình bày: Ông S và bà N là cha mẹ của cháu Huy và Vy. Ông Sơn và bà Ngọc là cháu của bà Dương Thị Thu L và hiện đang cư trú trên phần diện tích đất 250,8m^2 thuộc thửa đất 152, tờ bản đồ số 54 mà bà L khởi kiện đối với bà Nguyễn Thị H5 và ông Nguyễn Văn C. Đối với việc bà L khởi kiện ông C, bà H1 thì ông S, bà N không có ý kiến, yêu cầu gì trong vụ án. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Do bận công việc và việc bà L tranh chấp với ông C, bà H1 không liên quan đến ông S, bà N, cháu H và cháu V nên yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng khi giải quyết vụ án.

- Theo bản tự khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bà Lê Thị N2, Ông Hồng Anh T5, ông Hồng Anh K, bà Hồng Thị Anh T6 ông Hồng Anh T7, bà Hồng Thị Anh T8, ông Hồng Anh Phương V thống nhất trình bày: Phần diện tích đất 820,1m^2 thuộc thửa đất số 152, tờ bản đồ 54, tọa tại khu phố H, phường L, thành phố T1, tỉnh Bình Dương thuộc quyền sử dụng của hộ bà Vương Thị M theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S ngày 08/6/2005 do Cơ quan U huyện T1 (nay là thành phố T1) cấp cho hộ bà Vương Thị M. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà M là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hộ bà M gồm bà Vương Thị M, Ông Hồng Văn C, Bà Nguyễn Thị H1, Bà Lê Thị N2, bà Hồng Thị Anh T6 bà Hồng Thị Anh T8, ông Hồng Anh Phương V, ông Hồng Anh K và ông Hồng Anh T7 nên đây là tài sản chung của hộ gia đình bà M. Do đó, Bà Lê Thị N2, Ông Hồng Anh T5, ông Hồng Anh K, bà Hồng Thị Anh T6 ông Hồng Anh T7, bà Hồng Thị Anh T8, ông Hồng Anh Phương V được đồng quyền quản lý, sử dụng và định đoạt cùng với bà M đối với phần diện tích đất nêu trên. Bà L yêu cầu chia 250m^2 thuộc thửa đất số 152, tờ bản đồ 54, tọa tại khu phố H, phường L, thành phố T1, tỉnh Bình Dương là hoàn toàn không có cơ sở vì theo Tờ tương phân đất thổ cư không có chữ ký của bà M và có nhiều nét chữ khác nhau; bà L không phải thành viên hộ gia đình của bà M tại thời điểm Nhà nước giao đất; bà M chết không để lại di chúc và bà L không phải là hàng thừa kế theo pháp luật của bà M. Bà Lê Thị N2, Ông Hồng Anh T5, ông Hồng Anh K, bà Hồng Thị Anh T6 ông Hồng Anh T7, bà Hồng Thị Anh T8, ông Hồng Anh Phương V đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L; đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

- Theo bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị Thu H2, ông Nguyễn Danh T4 và ông Lê Dương Phương N1 thống nhất trình bày: Thống nhất với lời trình bày của bà Dương Thị Thu L, bà Bùi Thị N, bà Dương Thị Thu Đ, bà Dương Thị Thu C1, ông Nguyễn Dương Linh C2, bà Nguyễn Dương Lan A, ông Huỳnh Văn S, ông Huỳnh Kim T3 về nguồn gốc

phần diện tích đất bà L tranh chấp với ông C, bà H1 và việc bà Vương Thị M lập Tờ tương phân đất thổ cư ngày 08/9/1994. Do ông C, bà H1 có yêu cầu phản tố yêu cầu Tòa án công nhận phần diện tích đất 820,1m^2 thuộc thửa đất 152, tờ bản đồ 54 tọa lạc tại khu phố H, phường L, thành phố T1, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X, số vào sổ cấp GCN Y do Cơ quan U huyện T1 (nay là thành phố T1), tỉnh Bình Dương cấp ngày 08/6/2005 cho bộ bà Vương Thị M cho ông C, bà H1 được quyền sử dụng đất hợp pháp; yêu cầu bà Dương Thị Thu L tháo dỡ toàn bộ công trình trên phần đất tranh chấp. Trên phần diện tích đất ông C, bà H1 yêu cầu công nhận nêu trên có căn nhà của bà Hồng, ông T8 và ông N3 cùng với bà L đang quản lý, sử dụng. Tuy nhiên, sau đó ông C, bà H1 rút yêu cầu phản tố và căn nhà của bà Hồng, ông T8, ông N3 cũng không nằm trong phần diện tích đất 235m^2 thuộc thửa đất số 152 tờ bản đồ 54, tọa lạc tại khu phố H, phường L, thành phố T1, tỉnh Bình Dương mà bà L tranh chấp với ông C, bà H1 nên bà H7, ông T8, N không có yêu cầu gì trong vụ án. Trường hợp có phát sinh tranh chấp sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác. Ngoài ra, bà Hồng, ông T8 và ông N3 đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án giữa bà L với ông C, bà H1.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/DS-ST ngày 03/3/3021 của Tòa án nhân dân thành phố T1 đã quyết định:

Căn cứ:

- Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, Điều 217, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 247 Bộ luật Dân sự;

- Điều 101 Luật Đất đai 2013;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của bị đơn Ông Hồng Văn C, Bà Nguyễn Thị H1 đối với nguyên đơn bà Dương Thị Thu L về việc yêu cầu công nhận phần diện tích đất 820,1m^2 thuộc thửa đất 152, tờ bản đồ 54, tọa lạc tại khu phố H, phường L, thành phố T1, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X, số vào sổ cấp GCN Y do Cơ quan U huyện T1 (nay là thành phố T1), tỉnh Bình Dương cấp ngày 08/6/2005 cho bộ bà Vương Thị M cho ông C, bà H1 được quyền sử dụng đất hợp pháp và yêu cầu bà Dương Thị Thu L tháo dỡ toàn bộ công trình trên phần đất.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị Thu L về việc tranh chấp yêu cầu phân chia tài sản chung đối với bị đơn Ông Hồng Văn C và Bà Nguyễn Thị H1.

- Bà Dương Thị Thu L được quyền quản lý, sử dụng đối với phần diện tích đất 235m^2 (đều đất nông nghiệp và trong đó có 97,5m^2 thuộc HLBVĐB) thuộc

thửa đất số 152, tờ bản đồ 54, tọa lạc tại khu phố H, phường L, thành phố T1, tỉnh Bình Dương đã được Cơ quan U huyện T1 (nay là thành phố T1), tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S, số vào sổ H00252/TTLT ngày 08/6/2005 cho hộ bà Vương Thị M.

(Có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

- Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đất đai thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S, số vào sổ H00252/TTLT ngày 08/6/2005 do Cơ quan U huyện T1 (nay là thành phố T1), tỉnh Bình Dương cấp cho hộ bà Vương Thị M để điều chỉnh theo quyết định của bản án này.

- Bà Dương Thị Thu L và hộ bà Vương Thị M có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất để đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo nội dung Quyết định của bản án này theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về án phí, về chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/3/3021, ông Hồng Văn C và Bà Nguyễn Thị H1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm theo hướng hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của Ông Hồng Văn C và Bà Nguyễn Thị H1 thay đổi không kháng cáo phần quyết định sơ thẩm tuyên "*Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của bị đơn Ông Hồng Văn C, Bà Nguyễn Thị H1 đối với nguyên đơn bà Dương Thị Thu L về việc yêu cầu công nhận phần diện tích đất 820,1m^2 thuộc thửa đất 152, tờ bản đồ 54, tọa lạc tại khu phố H, phường L, thành phố T1, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X, số vào sổ cấp GCN Y do Cơ quan U huyện T1 (nay là thành phố T1), tỉnh Bình Dương cấp ngày 08/6/2005 cho bộ bà Vương Thị M cho ông C, bà H1 được quyền sử dụng đất hợp pháp và yêu cầu bà Dương Thị Thu L tháo dỡ toàn bộ công trình trên phần đất*"; bổ sung, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Bà Bùi Thị N, bà Dương Thị Thu C1, ông Nguyễn Dương Linh C2, bà Nguyễn Dương Lan A, bà Dương Thị Thu S, bà Võ Thị Bích L1, bà Võ Thị Bích L2, bà Dương Thị Thu Đ, ông Huỳnh Văn S, ông Huỳnh Kim T3, bà Dương Thị Thu H2, ông Nguyễn Danh T4, ông Lê Dương Phương N1, Bà Lê Thị N2, Ông Hồng Anh T5, ông Hồng Anh K, bà Hồng Thị Anh T6 ông Hồng Anh T7, bà Hồng Thị Anh T8, ông Hồng Anh Phương V, ông Nguyễn Hoàng S1, bà Tô Thị Bích N2 và Cháu Nguyễn Quốc H3, Nguyễn Trúc V vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt), cho nên tại phiên tòa không thể hiện ý kiến.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Ông Hồng Văn C và Bà Nguyễn Thị H1, giữ nguyên bản án dân sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố T1.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị đơn Ông Hồng Văn C, Bà Nguyễn Thị H1 làm trong thời hạn, có nội dung, hình thức phù hợp với quy định của pháp luật nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về kháng cáo của Ông Hồng Văn C, Bà Nguyễn Thị H1, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Diện tích đất 235m^2 CLN (trong đó có 97,5m^2 CLN thuộc HLATĐB) trong tổng diện tích đất hiện nay còn lại 940,1m^2, thuộc thửa đất số 152, tờ bản đồ 54, tọa lạc tại khu phố H, phường L, thành phố T1, tỉnh Bình Dương do bà Dương Thị Thu L trực tiếp quản lý, sử dụng từ trước năm 1994. Nguồn gốc phần diện tích đất nêu trên là do bà Nguyễn Thị H1 (mẹ của bà M) để lại. Năm 1990, Cơ quan U huyện T1, tỉnh Sông Bé (nay là thành phố T1, tỉnh Bình Dương) thu hồi đất của bà Nguyễn Thị H1 và giao cho cá nhân bà Vương Thị M nên bà M được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 263/GCN-SB ngày 13/12/1990 (sổ trắng). Đến năm 1998 và năm 2005, bà Vương Thị M tiến hành thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Vương Thị M ngày 08/6/2005, đến ngày 12/9/2006 bà M chuyển nhượng cho Bà Nguyễn Thị H1 diện tích: 517,2m^2, diện tích còn lại: 940,1m^2.

[2.2] Ngày 08/9/1994, bà Vương Thị M có lập một giấy viết tay "tờ tương phân đất thổ cư" bà M phân chia đất cho các con, cháu gồm Bà Nguyễn Thị H1, bà Dương Thị Thu L và bà Nguyễn Thị Thu H4 (đã chết). Tờ tương phân đất thổ cư lập ngày 08/9/1994 có xác nhận của Cơ quan U xã Phú Long, huyện T1, tỉnh S (nay là phường L, thành phố T1, tỉnh Bình Dương). Bà Vương Thị M phân chia: Phần diện tích đất 1.573m^2 do bà Nguyễn Thị H1 để lại được chia cho Bà Nguyễn Thị H1 phần diện tích đất 501,6m^2 (13,2m x 38m), chia cho bà Dương Thị Thu L phần diện tích đất 250,8m^2 (13,2m x 19m), bà Nguyễn Thị Thu H4 phần diện tích đất 250,8m^2 (13,2m x 19m) và phần diện tích đất còn lại 570m^2 (15m x 38m) làm phần đất hương quả.

[2.3] Ngày 19/4/2006, bà Vương Thị M chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho Bà Nguyễn Thị H1 diện tích: 517,2m^2, theo tờ phân chia đất lập ngày 08/9/1994.

[2.4] Năm 2007, Nhà nước thực hiện công trình nâng cấp, mở rộng đường vào Đình Phú Long, thị trấn Lái Thiêu, huyện T1 (nay là thành phố T1), tỉnh Bình Dương nên đã thu hồi một phần diện tích đất bà L được chia theo tờ tương phân đất thổ cư. Theo hồ sơ thu hồi, bồi thường thu thập được thể hiện bà Bùi Thị N, bà Dương Thị Thu Đ, ông Nguyễn Hoàng S1 (là mẹ, em và cháu của bà L) đứng ra nhận tiền bồi thường do căn nhà của bà N, bà Đ và ông S bị giải tỏa một phần nên bà L để cho bà N, bà Đ và ông S nhận tiền bồi thường; thời điểm này, bà M còn sống không có ý kiến phản đối, vợ chồng ông C, bà H1 là con của bà M không có ý kiến về nhận tiền bồi thường đất. Như vậy, có căn cứ xác định từ năm 1994 bà Dương Thị Thu L được bà Vương Thị M phân chia đất sử dụng, bà L cùng gia đình gồm mẹ, chị, em ruột của bà L quản lý, sử dụng, xây dựng nhà ở ổn định trên phần đất có diện tích 235m^2, không bị bà M (lúc còn sống) và ông C, bà H1 (các con của bà M) phản đối.

[2.5] Mặt khác, theo Công văn số 4153/UBND-KT ngày 21/12/2020 của Cơ quan U thành phố T1 thể hiện phần diện tích đất 235m^2 bà L yêu cầu Tòa án phân chia cho bà L được quyền quản lý, sử dụng đảm bảo điều kiện để xem xét tách thửa theo quy định quản lý đất đai.

[3] Từ những lập luận và phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] Chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị H1 và Ông Hồng Văn C đã trên 60 tuổi nên thuộc trường hợp người cao tuổi nên không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, Điều 217, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 247 Bộ luật Dân sự;

- Điều 101 Luật Đất đai 2013;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

I. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của Ông Hồng Văn C, Bà Nguyễn Thị H1, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/DS-ST ngày 03/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố T1 như sau:

1. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của bị đơn Ông Hồng Văn C, Bà Nguyễn Thị H1 đối với nguyên đơn bà Dương Thị Thu L về việc yêu cầu

công nhận phần diện tích đất 820,1m^2 thuộc thửa đất 152, tờ bản đồ 54, tọa lạc tại khu phố H, phường L, thành phố T1, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X, số vào sổ cấp GCN Y do Cơ quan U huyện T1 (nay là thành phố T1), tỉnh Bình Dương cấp ngày 08/6/2005 cho bộ bà Vương Thị M cho ông C, bà H1 được quyền sử dụng đất hợp pháp và yêu cầu bà Dương Thị Thu L tháo dỡ toàn bộ công trình trên phần đất.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị Thu L về việc tranh chấp yêu cầu phân chia tài sản chung đối với bị đơn Ông Hồng Văn C và Bà Nguyễn Thị H1.

- Bà Dương Thị Thu L được quyền quản lý, sử dụng đối với phần diện tích đất 235m^2 (đều đất nông nghiệp và trong đó có 97,5m^2 thuộc HLBVĐB) thuộc thửa đất số 152, tờ bản đồ 54, tọa lạc tại khu phố H, phường L, thành phố T1, tỉnh Bình Dương đã được Cơ quan U huyện T1 (nay là thành phố T1), tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S, số vào sổ Q ngày 08/6/2005 cho hộ bà Vương Thị M.

(có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

- Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đất đai thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S, số vào sổ Q ngày 08/6/2005 do Cơ quan U huyện T1 (nay là thành phố T1), tỉnh Bình Dương cấp cho hộ bà Vương Thị M để điều chỉnh theo quyết định của bản án này.

- Bà Dương Thị Thu L và hộ bà Vương Thị M có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất để đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo nội dung Quyết định của bản án này theo quy định của pháp luật.

3. Về chi phí tố tụng: Bà Dương Thị Thu L tự nguyện chịu 5.382.249 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá tài sản; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng chi phí tố tụng đã nộp. (Bà L đã thực hiện xong).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị H1 và Ông Hồng Văn C được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho bà Dương Thị Thu L số tiền 2.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai thu tiền số 0036627 ngày 12/12/2019 của Chi cục T12 thị xã T1 (nay là thành phố T1), tỉnh Bình Dương.

II. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị H1 và Ông Hồng Văn C được miễn nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục T11 thành phố T1;
- TAND thành phố T1;
- Các đương sự (để thi hành);
- Tổ Hành chính Tư pháp;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa D.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Bùi Văn Tâm